

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2025

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Lê Hữu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” thụ lý số 11/2025/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Anh Phạm Đình Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Đ và chị L đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Phạm Đình Đ1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh Phạm Đình Đ và chị Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 01/11/2011.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2021 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, không thể hàn gắn tiếp tục đoàn tụ được nữa nên làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị L

- Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung là cháu: Phạm Thiên P, sinh ngày: 26/12/2011. Hiện tại cháu đang ở cùng chị Phạm Thị L tại xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Cháu đang còn đi học, khỏe mạnh, phát triển tốt. Nay ly hôn, nguyện vọng của anh Đ là giao cháu Thiên P cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về phần cấp dưỡng đóng góp nuôi con chung: Anh Phạm Đình Đ đóng góp số tiền là 2.000.000đ/ tháng.

- Về tài sản và công nợ: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho chị Phạm Thị L theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L đã nhận đầy đủ các thủ tục nhưng không có ý kiến gì cũng không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của các bị đơn và không tiến hành được phiên hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại biên bản xác minh ngày 22 tháng 5 năm 2025, đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ cung cấp thông tin: Anh Phạm Đình Đ và chị Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T cấp ngày 01/11/2011 là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được vì vợ chồng và gia đình không báo cáo chính quyền địa phương đề nghị hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng. Tuy nhiên đến năm 2021 thì chị L và con đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Đ, huyện T sinh sống cho đến nay.

Vợ chồng có 1 con chung là cháu Phạm Thiên P, sinh ngày 25/12/2011, cháu đang sống cùng chị L tại thôn Đ, xã Đ, huyện T. Hiện tại sức khỏe, học tập của cháu phát triển tốt. Chị L là lao động tự do, công việc và thu nhập cụ thể thế nào địa phương không nắm được.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho anh Phạm Đình Đ được ly hôn với chị Phạm Thị L.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Thiên P, sinh ngày 25/12/2011 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Đình Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000đ.

- + Về tài sản và công nợ: Anh Đ không yêu cầu nên không xem xét.
- + Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Đình Đ và chị Phạm Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T cấp ngày 01/11/2011. Nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai ngời đó tự lo. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Đ là có cơ sở, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Phạm Đình Đ được ly hôn với chị Phạm Thị L.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Phạm Thiên P, sinh ngày 25/12/2011. Hiện nay cháu đang sống cùng chị L. Nay ly hôn anh Đ đề nghị để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu P cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ.

Xét thấy: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân P sống cùng mẹ, nay cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Tại biên bản xác minh ngày 22/5/2025 đại diện chính quyền địa phương nơi chị L và cháu P sinh sống cung cấp thông tin hiện tại cháu P đang sống cùng chị L, điều kiện sức khỏe, học tập của cháu phát triển tốt. Để không làm sáo trộn cuộc sống của cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu, nên tiếp tục giao cháu P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị L không có ý kiến gì về phần cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên anh Đ đề nghị được cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000đ, do đó ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, công nợ: anh Đ không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Phạm Đình Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Đình Đ được ly hôn với chị Phạm Thị L.

2. Về con chung: Giao Phạm Thiên P, sinh ngày 25/12/2011 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Phạm Đình Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L 2.000.000đ 1 tháng, kể từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Đình Đ được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Đình Đ chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ. Cộng 2 khoản là 600.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004361 ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Số tiền còn phải nộp là 300.000đ

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKS Triệu Sơn;
- C.cục thi hành án DS Triệu Sơn;
- UBND xã Đồng Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan